Phụ lục 4: Sinh phẩm, hóa chất, vật tư nhằm duy trì hệ thống chất lượng các phòng thí nghiệm theo các tiêu chuẩn quản lý chất lượng phục vụ các hoạt động giám sát, phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm tại Viện (gồm 4 phần)

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	Phần 1. Sinh phẩm, hoá chất, vật tư duy trì ISO 15189 của các kỹ thuật sinh học phân tử của các phòng thí nghiệm: gồm 47 danh mục												
1	Kit tách chiết DNA 50 phản ứng	1.Mục đích: Bộ sinh phẩm tách chiết DNA từ vi khuẩn 2. Thành phần: Bacteria gDNA Kit 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Hộp 50 phản ứng	5									
2	Kit tách chiết RNA/DNA 100 phản ứng	1. Mục đích: tách chiết RNA/ DNA từ các mẫu huyết thanh, huyết tương, dịch cơ thể, dịch nuôi cấy tế bào. 2. Mô tả: Không yêu cầu carrier-RNA, sản phẩm tách có nồng độ và độ tinh sạch cao. Kit sử dụng phương pháp tách cột, không sử dụng chloroform. Ứng dụng cho các phản ứng realtime PCR, xác định tác nhân, tổng hợp cDNA, microarray và northern blotting. 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng.	Hộp 100 phản ứng	2									
3	Kit chạy Realtime RT-PCR 1 bước 100 phản ứng	1. Mục đích: khuếch đại một bước mẫu RNA thành DNA sử dụng trong realtime PCR 2. Mô tả: kit bao gồm hỗn hợp enzyme SuperScript III Reverse Transcriptase tổng hợp cDNA và enzyme Plantinum Taq để tổng hợp DNA tăng độ đặc hiệu. Thích hợp với các hệ thống máy realtime khác nhau. Đóng gói 100 phản ứng.	Hộp 100 phản ứng	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3. Bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
4	Kit tách chiết RNA 250 phản ứng	1. Mục đích sử dụng: Tách chiết RNA virus từ nhiều nguồn mẫu khác nhau gồm: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, dịch nổi tế bào nuôi cấy. 2. Thành phần: - Cột lọc: 250 cột - Ống hứng dịch: 750 chiếc - Đệm ly giải Buffer AVL: 5 chai x 31ml/chai - Đệm rửa Buffer AW1: 98ml - Đệm rửa Buffer AW2: 66ml - Đệm Buffer AVE: 10 ống x 2ml/ống - Carrier RNA: 5 ống x 310ug/ống 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 250 phản ứng	3									
5	Sinh phẩm phân tách DNA dùng cho máy giải trình tự DNA dòng máy 3500/3500xL	1. Mô tả: Chất nền phân tách DNA dùng cho máy giải trình tự DNA dòng 3500/3500xL - Độ chính xác: 98.5% đến 500 bases (đối với mao quản 36 cm), 98.5% đến 950 bases (đối với mao quản 80 cm) 2. Thành phần: 7mL Pop7 3. Nhiệt độ bảo quản: 2°C đến 8°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 04 tháng.	Hộp 384 phản ứng	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
6	Kit chạy RT-PCR 1 bước hiệu suất cao	1. Mục đích: khuếch đại một bước mẫu RNA thành DNA 2. Mô tả: gồm hai thành phần chính: SuperScript III RT/Platinum Taq High Fidelity Enzyme Mix và 2X Reaction Mix. Phiên mã ngược thực hiện theo chu trình PCR, có thể thực hiện trên mẫu RNA (dài tới 10 kb) ở các nồng độ từ 1 pg đến 1 µg. 3. Bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 100 phản ứng	1									
7	Kit chạy Realtime RT-PCR 1 bước 500 phản ứng	1. Mục đích: Bộ sinh phẩm thực hiện phản ứng Realtime RT PCR 2. Thành phần - 500 µl SuperScript III/Platinum Taq Mix - 12.5 ml đệm 2X - 2 × 1 ml Magnesium Sulfate (50 mM) - 500 µl ROX Reference Dye (25 µM) 3. Điều kiện bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500 phản ứng	2									
8	Enzyme tổng hợp DNA nồng độ thấp	1. Mô tả: Enzym Polymerase sử dụng công nghệ Hot Strart dùng trong PCR. 2. Thành phần: - AmpliTaq Gold DNA Polymerase, LD: 250U - 10X PCR Gold Buffer: 1.5mL - 25mM MgCl2: 1.5mL 3. Nhiệt độ bảo quản: –15 đến –30°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng.	Hộp 250U	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
9	Hỗn hợp phản ứng PCR	1. Sử dụng trong phản ứng PCR 2. Mô tả: Bộ kit sẵn sàng sử dụng chứa đầy đủ thành phần của phản ứng PCR, chứa hai thuốc nhuộm (màu xanh và màu vàng) cho phép theo dõi tiến trình trong quá trình điện di. 2. Bảo quản: - 20 độ C, 3. Hạn sử dụng ≥ 6 tháng	Hộp 100 phản ứng	2									
10	Sinh phẩm tinh sạch cho phản ứng giải trình tự DNA	1. Mô tả: Kit tinh sạch cho phản ứng giải trình tự DNA bằng cách loại bỏ các unincorporated BigDye terminators và muối. 2. Thành phần: - Dung dịch Xterminator: 2 mL - Dung dịch SAM: 9 mL 3. Nhiệt độ bảo quản: 4°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 04 tháng.	Hộp 100 phản ứng	3									
11	Hỗn hợp phản ứng khuếch đại RT-PCR một bước	1. Mục đích: Khuếch đại 1 bước RNA thành DNA, sử dụng trong RT-PCR. 2. Mô tả: Kit sử dụng hỗn hợp enzyme bao gồm enzyme phiên mã ngược và enzyme Taq DNA. Độ dài đoạn khuếch đại cDNA <14kb, đoạn tổng hợp DNA <1kb. Enzyme có hoạt tính hot start. Đóng gói 100 phản ứng. 3. Bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 100 phản ứng	3									
12	Bộ kit khuếch đại DNA	1. Mục đích: Khuếch đại DNA, sử dụng trong PCR 2. Mô tả: Kit sử dụng Taq có hoạt tính Hot	Hộp 1000	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	bằng enzyme	Start, độ dài đoạn khuếch đại <1kb. Cung cấp cùng dNTP 10mM. Đóng gói 1000U/ kit. 3. Bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	phản ứng										
13	Kit tổng hợp cDNA và khuếch đại DNA một bước	1. Mô tả: Kit thực hiện phản ứng RT-PCR một bước từ RNA với giải nồng độ: 0.01 pg đến 1 µg 2. Thành phần: - Hỗn hợp enzyme supperscript III: 200 µl - Hỗn hợp phản ứng 0.4mM mỗi dNTP và 3.2mM MgSO4: 3 x 1ml - MgSO4 5mM: 500 µL 3. Nhiệt độ bảo quản: -10 đến -30°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng.	Hộp 100 phản ứng	1									
14	Sinh phẩm tinh sạch sản phẩm PCR	1. Mô tả: Sử dụng để làm sạch enzyme cho sản phẩm PCR bằng cách phân hủy mồi và các nucleotide thừa chỉ trong 1 bước duy nhất. 2. Thành phần: 200ul ExoSAP IT. 3. Nhiệt độ bảo quản: -5 đến -30°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng.	Hộp 100 phản ứng	4									
15	Dung dịch đệm điện di mao quản	1. Mục đích: Chất mang DNA chạy điện di mao quản giải trình tự gen dùng cho hệ thống máy giải trình tự gen bằng điện di mao quản 2. Mô tả- Polyme dùng cho giải trình tự bằng điện di mao quản, phù hợp với hệ máy: 3130 Genetic Analyzer, 3130xl Genetic Analyzer hoặc tương đương. Ứng	Hộp 384 test	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		dụng cho phân tích đoạn và giải trình tự 3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
16	Mồi PCR xác định vi rút HIV	1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR. Chuỗi trình tự acide nucleic tổng hợp nhân tạo dùng làm mồi đặc hiệu cho phản ứng PCR. Mồi bắt cặp đặc hiệu với virus HIV 2. Thành phần: Đoạn trình tự DNA được tổng hợp nhân tạo đã được tinh sạch bằng loại muối và ở dạng bột đông khô 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	100 nmol/ Tube	16									
17	Mồi PCR xác định vi khuẩn tả	1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR phát hiện vi khuẩn tả O1; O139; gen độc tố tả ctxA; gen đặc hiệu loài toxR 2. Thành phần: - Mồi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nM, dạng đông khô. 3. Điều kiện bảo quản:4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Cặp	4									
18	Mồi PCR xác định vi khuẩn *Campylobacter jejuni; Campylobacter coli*	1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR 2. Thành phần: - Mồi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nM, dạng đông khô. 3. Điều kiện bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Cặp	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
19	Kit ELISA phát hiện kháng nguyên vi rút Rota	1. Mục đích sử dụng: sinh phẩm miễn dịch enzyme định tính, dùng cho xét nghiệm để phát hiện kháng nguyên rotavirus (Nhóm A) trong các mẫu phân của người 2. Mô tả: - Microtitration plate - Sample Diluent (100ml) - Positive Control (2ml) - Negative Control (2ml) - Conjugate 1 (13ml) - Conjugate 2 (13ml) - Substrate TMB (13ml) - Stop Solution (12ml) - Wash Buffer (100ml) - có chứng chỉ IVD 3.Điều kiện bảo quản: 2-8 °C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Hộp 96 phản ứng	10									
20	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Sởi	1. Thành phần: - MTP: Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng) - NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng). - APC: Liên hợp kháng IgA, IgG hoặc IgM người (sẵn sàng để sử dụng). - WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000 ml). - DILB: Đệm Pha loãng (sẵn sàng để sử	Hộp 96 phản ứng	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		dụng) - STOP; Dung dịch dừng phản ứng (sẵn sàng để sử dụng). - pNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng). - RF Absorbent: Hợp chất hạn chế dương giả (loại bỏ yếu tố dạng thấp ở bệnh nhân thấp khớp) - INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và bảng đánh giá. 2. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C 3. Hạn sử dụng : ≥ 6 tháng 4. Độ nhạy: 98.9%; độ đặc hiệu >99%											
21	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng Rubella	1. Thành phần: - MTP: Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng) - NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng). - APC: Liên hợp kháng IgA, IgG hoặc IgM người (sẵn sàng để sử dụng). - WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000 ml). - DILB: Đệm Pha loãng (sẵn sàng để sử dụng) - STOP; Dung dịch dừng phản ứng (sẵn sàng để sử dụng). - pNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng). - RF Absorbent: Hợp chất hạn chế dương	Hộp 96 phản ứng	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		giả (loại bỏ yếu tố dạng thấp ở bệnh nhân thấp khớp) - INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và bảng đánh giá. 2. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C 3. Hạn sử dụng : ≥ 6 tháng 4. Độ nhạy: >99%; độ đặc hiệu: 96,8%											
22	Bộ dye chuẩn Sequencing Standard, BigDye™ Terminator v3.1, for 3500/Seq Studio™ Flex	1. Mục đích: sử dụng cho chuẩn spectral hoặc/ và kiểm soát chất lượng phản ứng giải trình tự trên hệ thống máy giải trình tự Applied Biosystems 3500 và SeqStudio Flex. 2. Mô tả: Bộ kit bao gồm 4 tube, mỗi tube chứa DNA đủ cho trình tự 1200bp được chuẩn bị sẵn với BigDye Terminator v3.1. Dye gắn bao gồm ROX, TAMRA, Rhodamine 110, Rhodamine 6G. Ứng dụng cho giải trình tự. 3. Điều kiện bảo quản: -20°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 4 ống	1									
23	Kit xét nghiệm kháng thuốc HIV	1.Mục đích: Kit thực hiện giải trình tự gen pol và intergrase từ bước khuếch đại đến giải trình tự 2. Thành phần: RNA Positive Control, 2 x 100 µL • HIV RNA Negative Control, 2 x 100 µL • RT-PCR Master Mix, PR/RT, 2 x 1.055 mL • RT-PCR Master Mix, IN, 2 x 1.055 mL • Nested-PCR Master Mix, PR/RT, 2 x	Hộp 48 phản ứng	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		1.285 mL • Nested-PCR Master Mix, IN, 2 x 1.285 mL • SuperScript III One-Step RT-PCR with Platinum Taq High Fidelity Enzyme, 2 x 54 µL • AmpliTaq Gold LD DNA Polymerase, 1 x 54 µL • Sequencing vector, 2 x 80 µL • HIV Sequencing Mix R12, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix R11, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix F12, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix F11, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix R3, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix R2, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix R1, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix F3, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix F2, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix F1, 2 x 435 µL 3. Nhiệt độ bảo quản: -20°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng.											
24	Thạch TSA	1. Mục đích: Nuôi cấy vi khuẩn 2. Mô tả: bột thạch giàu dinh dưỡng cho tăng sinh vi khuẩn. 3. Điều kiện bảo quản: 15-25°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500g	1									
25	Thạch dinh dưỡng	1. Mục đích: Nuôi cấy vi khuẩn 2. Mô tả: Thạch dinh dưỡng dùng trong nuôi cấy khử khuẩn, gồm: Peptone 5 g/l	Hộp 500g	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		Meat Extract 3 g/l Agar 9-18 g/l ** Water 1000 ml/l pH at 25 °C 7.0 ± 0.2 3. Điều kiện bảo quản: 15-25°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
26	Thạch máu	1. Mục đích: Thạch máu là môi trường làm giàu được sử dụng để nuôi cấy những vi khuẩn hoặc vi sinh vật mà không cấy dễ dàng. 2. Thành phần: - `Lab-Lemco' powder 10g/l - Polypeptone Neutralised 10 g/l - Sodium chloride 5g/l - Agar 15 g/l - pH: 7,3 ± 0,2 3. Bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng	Hộp 500g	1									
27	Canh thang BHI	1. Mục đích: Tăng sinh, giữ chủng vi khuẩn 2. Mô tả: Dạng hạt, màu nâu. Độ tan 37g/l . Hộp nhựa 500g/hộp. PH=7,2-7,6. Có kèm COA và MSDS 3. Bảo quản: 15-25˚C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Hộp 500g	1									
28	Chỉ thị hóa học tích hợp cho tiệt trùng hơi nước	1. Mục đích: Tiệt trùng hơi nước ở 121°C ~ 135°C 2. Mô tả: Hình dạng: Thanh giấy, Kích cỡ thẻ: 101 mm x 19 mm (4" x 0.75"). Chỉ thị hóa học: Vạch mực mao dẫn trên bấc giấy. Có kèm COA và MSDS	Gói 100 cái	3									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3. Bảo quản: 15-25˚C 4. Hạn sử dụng:≥ 6 tháng.											
29	ống 1.7ml	1. Mục đích: lữu trữ, thao tác tách và xử lý mẫu, dung dịch 2. Mô tả: Ống nhựa nắp phẳng, cấu tạo Polypropylene, không chứa DNase và Rnase, đáy nhọn, màu trong. Ống chịu lực lên tới 17000 x g. 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 500 chiếc	8									
30	Dải 4 ống realtime 0.1ml kèm nắp	1. Mục đích: sử dụng cho phản ứng Real-time phù hợp với máy Rotorgene 2. Mô tả: Tube thân trong, có thành mỏng, làm từ USP VI polypropylen không có DNase, RNase, DNA, chất ức chế PCR, ATP, endotoxin. Phù hợp với máy realtime Rotorgene. Cung cấp bao gồm ống tube dạng 4-tube/ dải, thể tích 0.1ml kèm nắp. 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 250 dải	2									
31	Dải 8 ống PCR 0,2 ml kèm nắp	1. Mục đích: sử dụng cho phản ứng Real-time 2. Mô tả: Tube thân trong, không chứa Dnase, RNase. Sử dụng cho máy realtime PCR. Cung cấp bao gồm ống tube dạng 8-tube/ dải, thể tích 0.2ml kèm nắp. 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 125 dải	3									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
32	Đầu côn có lọc 10µl	1. Mục đích: Dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Đầu côn làm bằng nhựa, tiệt trùng, thể tích hút tối đa 10ul - Màng lọc ky nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 3. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 960 chiếc	5									
33	Đầu côn có lọc 30ul	1. Mục đích: Thao tác tra hút mẫu, dung dịch 2. Mô tả: phù hợp với các micropipet khác nhau, dải thể tích hút 1 - 30 µL, có lọc, tiệt trùng, thành phần polypropylene. 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 960 chiếc	4									
34	Đầu côn có lọc 200 µl	1.Mục đích: Dùng để tra mẫu, hút dung dịch 2. Mô tả: Đầu côn có lọc, thể tích hút tối đa, vô trùng và đã tiệt trùng sẵn 3.Bảo quản: ở nhiệt độ phòng 4.Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Thùng 960 chiếc	1									
35	Đầu côn có lọc tiệt trùng 1000µl	1. Mục đích sử dụng: Dùng để hút một lượng hóa chất inh phẩm hoặc mẫu với thể tích nhỏ, độ chính xác cao 2, Mô tả - Đầu côn có lọc, thể tích hút tối đa 1000µL,	Thùng 960 chiếc	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		- Phù hợp với các loại pipetman thông dụng - Không chứa DNA/Dnase/Rnase/ Protease/ATP, - Không chứa độc tố gây sốt, nội độc tố - Chứng nhận hàm lượng kim loại dạng vết cực thấp 3, Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4, Hạn sử dụng: không áp dụng											
36	Đĩa petri nhựa 90 mm	1.Mục đích:đĩa petri nuôi cấy vsv 2.Mô tả: đĩa petri đường kính 90mm, chất liệu polystyrene 3.Bảo quản: ở nhiệt độ phòng 4.Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Thùng 500 chiếc	2									
37	Cuvet nhựa (1.5ml)	1.Mục đích: đo độ đục của vi khuẩn trên máy 2.Mô tả: chất liệu nhựa, kích thước 1,5ml 3.Bảo quản: nhiệt độ phòng 4.Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Hộp 100 chiếc	2									
38	Que cấy 1ul	1. Mục đích sử dụng: dùng để cấy vi khuẩn 2, Mô tả - Vật liệu: nhựa Polypropylene (PP) - Thể tích: 1 ul - Đã tiệt trùng - Không chứa Dnase/Rnase 3, Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4, Hạn sử dụng: không áp dụng	túi 10 chiếc	80									
39	Nhiệt kế thủy ngân	1. Mục đích: sử dụng để kiểm tra nhiệt độ lò hấp ướt 2. Mô tả: Nhiệt kế vẩy maximum cho nồi	cái	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		hấp tiệt trùng, + 80 đến + 130 độ C, chia vạch 2 độ C ngắn chỉ 60 mm 3.Bảo quản: ở nhiệt độ phòng 4.Hạn sử dụng: ≥12 tháng											
40	Tăm bông vô khuẩn	1. Mục đích: Tăm bông lấy mẫu bệnh phẩm 2. Mô tả: tăm bôn cán gỗ vô trùng 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 100 cái	2									
41	Khẩu trang 4 lớp	1. Mục đích: Bảo vệ hệ hô hấp 2. Mô tả: Khẩu trang hoạt tính 4 lớp 3. Điều kiện bảo quản: Không áp dụng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Hộp 50 cái	30									
42	Mũ đội đầu trong PTN	1. Mục đích: Mũ đội đầu trong PTN 2. Mô tả: Vải không dệt Polypropylen. - Dây chun. 3. Điều kiện bảo quản: Không áp dụng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Túi 100 cái	2									
43	Găng tay y tế không bột size S	1. Mục đích: sử dụng khi thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm 2. Mô tả: Găng tay y tế, không bột, cao su, size S 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 10 hộp/ hộp 50 đôi	3									
44	Găng tay y tế không bột size M	1.Mục đích: Sử dụng cho các thao tác xử lý mẫu, phản ứng 2.Mô tả: Găng tay không bột, chất liệu cao su 3.Bảo quản: nơi khô mát, tránh ánh nắng và nhiệt. 4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Thùng 10 hộp/ hộp 50 đôi	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
45	Giấy bạc	1. Mục địch: Dùng để bọc gói dụng cụ 2. Mô tả: Là loại nhôm cán mỏng. Kích thước 30cm x 5m 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng:≥ 12 tháng	cuộn	50									
46	Kìm bấm nắp lọ 20mm	1. Mục đích: bấm nắp nút cho lọ thủy tinh 20 mm 2. Mô tả : dạng kìm bấp, bằng kìm loại 3. Điều kiện bảo quản: Không áp dụng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	cái	1									
47	Cồn tuyệt đối sử dụng trong sinh học phân tử	1. Mục đích: sử dụng trong các ứng dụng cơ bản của sinh học phân tử (tach chiết mẫu, đông khô…) 2. Mô tả: Công thức hóa học: C_2H_5OH. Độ tinh khiết 99,9%. 3. Điều kiện bảo quản: +2°C - 30°C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Chai 1 lít	1									
	Phần 2. Sinh phẩm, hoá chất, vật tư thực hiện các xét nghiệm khi tham gia chương trình ngoại kiểm trong mạng lưới chương trình ngoại kiểm quốc tế các PTN tham chiếu HIV: gồm 08 danh mục												
1	Sinh phẩm chẩn đoán invitro phát hiện sớm giai đoạn chuyển đổi huyết thanh với HIV tuýp1	1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm HIV 2. Thông số kỹ thuật: - Kĩ thuật elisa - Có độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 99.78% - Phát hiện cả kháng thể IgG, IgM. IgA của các typ HIV và kháng nguyên P24 - Phát hiện cả HIV1 và HIV 2 - Thích hợp rửa trên máy rửa tự động - Chứng nhận IVD 3. Bảo quản : nhiệt độ thường (2°C - 8°C) 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 96 phản ứng	4									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	(HIV1,HIV1 nhóm O) và phát hiện kháng thể kháng HIV2												
2	Sinh phẩm điện hóa phát quang chẩn đoán HIV1, HIV2 chạy trên hệ thống máy e411 của Roche	1. MĐSD: Xét nghiệm HIV 2. Thông số KT: - Bộ thuốc thử (M, R0, R1, R2) được dán nhãn HIVCOMPT. - Cụ thể: + M: Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản. + R0: Đệm MES 50 mmol/L, pH 5.5; 1.5 % Nonidet P40; chất bảo quản (nắp trắng), 1 chai, 4 mL. + R1: Anti-p24~, kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV-1/-2 (E. coli)~, peptide đặc hiệu HIV-1/-2~biotin (nắp xám), 1 chai, 7 mL: Kháng thể đơn dòng kháng p24 đánh dấu biotin (chuột), kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV-1/-2 đánh dấu biotin (E. coli), peptide đặc hiệu HIV-1/-2 đánh dấu biotin > 1.3 mg/L; đệm TRIS 50 mmol/L, pH 7.5; chất bảo quản. + R2: Anti-p24~, kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV-1/-2 (E. coli)~, peptide đặc	Hộp 100 phản ứng	4									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		hiệu HIV-1/-2~Ru(bpy)2+ 3 (nắp đen), 1 chai, 7 mL: Kháng thể đơn dòng kháng p24 (chuột), kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV-1/-2, peptide đặc hiệu HIV-1/-2 đánh dấu phức hợp ruthenium > 1.5 mg/L; đệm TRIS 50 mmol/L, pH 7.5; chất bảo quản. - HIVCOMPT Cal1 Mẫu chuẩn âm tính (nắp trắng), 2 chai (đông khô) để pha mỗi chai 1.0 mL: Huyết thanh người, không phản ứng với kháng thể kháng HIV-1 và kháng thể kháng HIV-2. ' HIVCOMPT Cal2 Mẫu chuẩn dương tính (nắp đen), 2 chai (đông khô) để pha mỗi chai 1.0 mL: Huyết thanh người dương tính với kháng thể kháng HIV-1 (bất hoạt) trong huyết thanh người âm tính với kháng thể kháng HIV-1 và kháng thể kháng HIV-2. - Chứng nhận CE-IVD 3. Bảo quản: 2-8°C 4. HSD:≥ 6tháng											
3	Chứng cho sinh phẩm chẩn đoán	1. Mục đích sử dụng: Mẫu chứng sinh phẩm xét nghiệm HIV 2. Thông số kỹ thuật: - Bao gồm PC HIV1, HIV2, chứng kháng nguyên p24 và chứng âm tính - Chứng nhận IVD 3. Bảo quản : 2°C - 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	2ml/ lọ x 6 lọ/hộp	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
4	Sinh phẩm chẩn đoán invitro phát hiện nhanh HIV, HIV 2	1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm HIV 2. Thông số kỹ thuật: - Kĩ thuật xét nghiệm nhanh - Có độ nhậy 100% và độ đặc hiệu >= 99%, - Phát hiện được cả HIV 1 và HIV 2, - Nhận biết kết quả rõ ràng bằng mắt thường, Cho kết quả nhanh 10- 20 phút, - Có khả năng kiểm tra chất lượng của kít trong mỗi xét nghiệm - Kỹ thuật thao tác đơn giản, không yêu cầu máy móc trang thiết bị hiện đại - Chứng nhận IVD 3. Bảo quản : nhiệt độ thường (2°C - 30°C) 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 30 phản ứng	2									
5	Kit thử phát hiện nhanh HIV	1. Mục đích: Xét nghiệm HIV 2. Thành phần - Kĩ thuật xét nghiệm nhanh - Độ nhạy và độ đặc hiệu cao >99% - Phát hiện cả HIV 1 và HIV 2 - Nhận biết kết quả rõ ràng bằng mắt thường. Cho kết quả nhanh, độ ổn định của kết quả đạt 15-20 phút - Có khả năng kiểm tra chất lượng của kít trong mỗi xét nghiệm , - Chứng nhận IVD - Kỹ thuật thao tác đơn giản, không yêu cầu máy móc trang thiết bị hiện đại 3. Bảo quản : nhiệt độ thường 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng.	Hộp 40 phản ứng	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
6	Găng tay y tế có bột tan	1. Mục đích sử dụng: sử dụng khi thực hiện các kĩ thuật xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Găng tay y tế không bột latex, màu trắng - Găng tay Size S, M 3. Bảo quản: nhiệt độ thường (20°C - 25°C) 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng10 hộp/ hộp 50 đôi	1									
7	Đầu côn không lọc thể tích 1000 µl	1.Mục đích sử dụng: Đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất trong kĩ thuật xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Đầu côn làm bằng nhựa, thể tích hút tối đa 1000µl - Có thể hấp sấy tiệt trùng ở 121°C - Tương thích với tất cả các loại pipet 3. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Túi 500 chiếc	4									
8	Cồn y tế 70º	1. Mục đích sử dụng: dùng để khử khuẩn trong quá trình làm xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: Cồn 70% 3. Bảo quản : nhiệt độ thường (20°C - 25°C) 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Chai 500 ml	4									
	Phần 3. Sinh phẩm, hóa chất thực hiện xác nhận phương pháp và ngoại kiểm tải lượng vi rút trên hệ thống máy Abbott: bao gồm 03 danh mục												
1	Bộ kit xét nghiệm định lượng HIV trên hệ thống m2000	1. Mục đích: Kit định lượng RNA HIV-1 trong mẫu huyết tương và DBS, CE-IVD 2. Thành phần: Hộp realtime HIV-1 Reagent kit bao gồm: - Internal control : 4 lọ x 1.2ml - Amplification reagent pack : 4 packs x 12 test. Mỗi Pack bao gồm:	Hộp 96 phản ứng	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		+ Thermostable rTh Polymerase Enzyme: 1 lọ x 0.141ml + Oligonucleotide reagent: 1 lọ x 1.1ml + Activation Reagent: 1 lọ x 0.4ml Hộp mSample Preparation system kit bao gồm: - Hóa chất tách chiết cho xét nghiệm đo tải lượng HIV dùng cho máy tự động 4 x 24 Preps. - Tris solution containing guanidinium thiocyanate; Nuclease free water; microparticles in Guanidinium hydrochloride - Chứng nhận IVD 3. Nhiệt độ bảo quản: ≤ -10°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng.											
2	Mẫu chứng sinh phẩm đo tải lượng HIV-1 trên hệ thống m2000	1.Mục đích: Mẫu chứng sinh phẩm đo tải lượng HIV-1 2. Thành phần: Hộp Realtime HIV-1 Control kit bao gồm: - Control - : 8 lọ x 1.8 ml - Control L : 8 lọ x 1.8 ml - Control H : 8 lọ x 1.8 ml 2. Nhiệt độ bảo quản: ≤ -10°C 3. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Hộp 8 bộ	1									
3	Mẫu chuẩn sinh phẩm đo tải lượng HIV-1	1. Mục đích: Mẫu chuẩn sinh phẩm đo tải lượng HIV-1 2. Thành phần:Noninfectious Armored RNA with HIV-1 sequences in negative human plasma. Negative human plasma tested and found	Hộp 4 bộ	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	trên hệ thống m2000	to be nonreactive for HBsAg, HIV RNA, HCV RNA, anti-HIV-1/HIV-2, and anti-HCV. 3. Điều kiện bảo quản: -20 đến -10°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng											
	Phần 4. Sinh phẩm, hoá chất thực hiện khi tham gia chương trình ngoại kiểm xét nghiệm HIV sử dụng phù hợp với máy Cobas 4800: bao gồm 05 danh mục												
1	Kit xét nghiệm realtime HIV-1 trên máy Cobas 4800	1. Mục đích: - Hóa chất invitro sử dụng để định lượng vi rút gây suy giảm miễn dịch ở người típ 1 (HIV-1) trong mẫu bệnh phẩm của bệnh nhân bao gồm cả mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA và từ mẫu huyết tương khô (PSC -Plasma Separation Card) và định tính để phát hiện HIV-1 trong mẫu bệnh phẩm giọt máu khô (DBS). - Sử dụng trong hệ thống Real-Time PCR hoàn toàn tự động. 2. Mô tả: Đạt tiêu chuẩn CE-IVD. Có trong danh mục các mặt hàng được Bộ Y tế cho phép nhập khẩu vào Việt Nam. Một kit định lượng bao gồm: - 10 bộ HIV-1 MMX R2 dung tích 0.5 mL/bộ - 10 bộ MMX R1 dung tích 1.75 mL/bộ - 10 bộ RNA QS dung tích 1.75 mL/bộ 3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng.	Hộp 120 phản ứng	1									
2	Bộ mẫu chứng	1. Mục đích: - Bộ mẫu chứng cho HBV/HCV/HIV-1	Hộp 10 bộ	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	HBV/HCV/HIV-1	2. Mô tả: Đạt tiêu chuẩn CE-IVD Sử dụng được trong hệ thống Real-Time PCR hoàn toàn tự động Thành phần một bộ mẫu chứng bao gồm: - 10 mẫu chứng Âm cho HBV/HCV/HIV-1 dung tích 0.75 mL/mẫu - 10 mẫu chứng Dương thấp cho HBV/HCV/HIV-1 dung tích 0.75 mL/mẫu - 10 mẫu chứng dương cao cho HBV/HCV/HIV-1 dung tích 0.75 mL/mẫu 3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng.											
3	Kit chuẩn bị mẫu	1. Mục đích: Kit chuẩn bị mẫu sử dụng được cho mẻ chạy 96 phản ứng 2. Mô tả: Đạt tiêu chuẩn CE-IVD Thành phần một bộ kit chuẩn bị mẫu bao gồm: - 10 lọ chứa hạt thủy tinh từ tính, đệm Tris, 0.1% methyl-4 hydroxybenzoate, < 0.1% natri azide - dung tích 16 mL/lọ - 10 lọ chứa đệm Tris, 0.2% methyl-4 hydroxybenzoate - dung tích 17 mL/lọ 3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng	Hộp 240 phản ứng	1									
4	Dung dịch ly giải tế bào	1. Mục đích: Dung dịch ly giải tế bào sử dụng được cho mẻ chạy 96 phản ứng 2. Mô tả: Đạt tiêu chuẩn CE-IVD Thành phần một hộp bao gồm:	Hộp 240 phản ứng	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		- 10 lọ Lysis buffer (43% (w/w) guanidine thiocyanateb, 5% (w/v) polydocanolb, 2% (w/v) dithiothreitolb, dihydro natri citrate) dung tích 84 mL/lọ - 10 lọ PProtease (Đệm Tris, <0.05% EDTA, calcium cloride,calcium acetate, 8% (w/v) proteinaseb) dung tích 1.0mL/lọ 3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng											
5	Dung dịch rửa	1. Muc đích: Dung dịch rửa sử dụng được cho mẻ chạy 96 phản ứng 2. Mô tả: Đạt tiêu chuẩn CE-IVD Thành phần một hộp gồm : 10 lọ nước rửa có thành phần Natri citrate dihydrate, 0.05% N- Methyl isothiazolone HCl - dung tích 200ml/lọ 3. Điều kiện bảo quản: 15°C - 25°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng	Hộp 240 phản ứng	1									